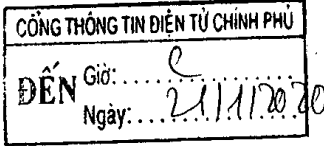


CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2020/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2020



NGHỊ ĐỊNH
Quy định về thủ tục hành chính
thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước, bao gồm: thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực thu và hoàn trả các khoản thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước; thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước (không bao gồm phần vốn nhà nước tham gia trong dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư - PPP); thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước; nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị thuộc hệ thống Kho bạc Nhà nước.

2. Cơ quan tài chính, cơ quan thuế, cơ quan hải quan và cơ quan khác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao hoặc ủy quyền tổ chức thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước (sau đây gọi chung là cơ quan thu).

3. Ngân hàng thương mại, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng (sau đây gọi chung là ngân hàng) và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

4. Các đơn vị và cá nhân giao dịch với Kho bạc Nhà nước.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Người nộp ngân sách nhà nước: là các đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế, lệ phí, phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước.

2. Đối tượng thụ hưởng: là các tổ chức, cá nhân hưởng tiền từ các khoản thanh toán của Kho bạc Nhà nước.

3. Nộp ngân sách nhà nước theo phương thức điện tử: là hình thức nộp ngân sách nhà nước thông qua Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế (cơ quan Thuế hoặc cơ quan Hải quan) hoặc Cổng Dịch vụ công Quốc gia hoặc qua các dịch vụ thanh toán điện tử của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước: là đơn vị dự toán ngân sách được giao trực tiếp quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước (bao gồm cả chủ đầu tư, các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước; đơn vị mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước được cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước).

5. Đơn vị giao dịch với Kho bạc Nhà nước: là các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước; các cơ quan, đơn vị, tổ chức kinh tế có giao dịch với Kho bạc Nhà nước và người nộp ngân sách nhà nước.

6. Các đơn vị, tổ chức thuộc đối tượng mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước: là các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước và các đơn vị, tổ chức khác được phép mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo chế độ quy định.

7. Ngân hàng phục vụ: là ngân hàng được người sử dụng (chủ dự án) lựa chọn cho các dự án vay ODA, vốn vay ưu đãi theo điều kiện thị trường, căn cứ danh sách và ý kiến về ngân hàng đủ điều kiện làm ngân hàng phục vụ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác định.

8. Chứng từ nộp ngân sách nhà nước: là bảng kê nộp thuế; giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước; các chứng từ chuyển tiền từ tài khoản của đơn vị tại Kho bạc Nhà nước; biên lai thu thuế, phí, lệ phí, thu phạt vi phạm hành chính; chứng từ giao dịch của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán nơi người nộp ngân sách nhà nước làm thủ tục nộp tiền; chứng từ chứng nhận nộp tiền vào ngân sách nhà nước của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích. Chứng từ nộp ngân sách nhà nước được thể hiện dưới dạng chứng từ giấy hoặc chứng từ điện tử; được sử dụng khi người nộp ngân sách nhà nước làm thủ tục nộp tiền hoặc khi Kho bạc Nhà nước, cơ quan thu, ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cấp cho người nộp ngân sách nhà nước.

9. Chứng từ chuyển tiền: là lệnh thanh toán bằng văn bản giấy hoặc dữ liệu điện tử do các đơn vị giao dịch lập để đề nghị Kho bạc Nhà nước thực hiện trích tài khoản của mình để chi trả cho đối tượng thụ hưởng.

10. Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước: là trang thông tin điện tử, nơi cung cấp các dịch vụ hành chính công thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước cho các đơn vị giao dịch với Kho bạc Nhà nước trên môi trường mạng. Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước đặt trên mạng internet tại địa chỉ <http://vst.mof.gov.vn/> và được tích hợp với Cổng dịch vụ công Bộ Tài chính theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

11. Cam kết chi: là việc các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước cam kết sử dụng dự toán chi ngân sách thường xuyên được giao hàng năm (có thể một phần hoặc toàn bộ dự toán được giao trong năm) hoặc kế hoạch vốn đầu tư được giao hàng năm (có thể một phần hoặc toàn bộ kế hoạch vốn được giao trong năm) để thanh toán cho hợp đồng đã được ký giữa đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước với nhà cung cấp.

12. Bảng thanh toán cho đối tượng thụ hưởng: là bảng kê chi tiết tên, số tiền được hưởng, số tài khoản tại ngân hàng (trường hợp chi trả cho đối tượng thụ hưởng qua tài khoản tại ngân hàng) và nội dung thanh toán cho đối tượng thụ hưởng là các khoản chi cho cá nhân được quy định tại Điều 7 Nghị định này.

13. Thanh toán trước, kiểm soát sau: là hình thức thanh toán áp dụng đối với một số khoản chi ngân sách nhà nước; trong đó, Kho bạc Nhà nước làm thủ tục thanh toán ngay sau khi nhận đủ hồ sơ hợp pháp, hợp lệ theo quy định; việc kiểm soát chi và xử lý kết quả kiểm tra được Kho bạc Nhà nước thực hiện sau khi đã thanh toán khoản chi.

14. Bản gốc văn bản, bản chính văn bản, bản sao y bản chính:

a) Bản gốc văn bản (sau đây gọi là bản gốc): là bản hoàn chỉnh về nội dung, thể thức văn bản được cơ quan, tổ chức ban hành và có chữ ký trực tiếp của người có thẩm quyền.

b) Bản chính văn bản (sau đây gọi là bản chính): là những giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp lần đầu, cấp lại, cấp khi đăng ký lại hoặc những giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập có xác nhận và đóng dấu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

c) Bản sao y bản chính: là bản sao đầy đủ, chính xác nội dung của văn bản, được thực hiện từ bản chính và được trình bày theo thể thức quy định tại Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ về công tác văn thư.

Trường hợp giao dịch điện tử, hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước là chứng từ điện tử trong hoạt động tài chính theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính và được ký số theo quy định của pháp luật về chữ ký số hoặc được thực hiện các biện pháp khác đảm bảo giá trị pháp lý của bản gốc theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 165/2018/NĐ-CP.

Chương II

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Mục 1

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC THU VÀ HOÀN TRẢ CÁC KHOẢN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 4. Thủ tục nộp tiền vào ngân sách nhà nước

1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

2. Cách thức thực hiện:

a) Nộp ngân sách nhà nước theo phương thức nộp trực tiếp tại trụ sở Kho bạc Nhà nước hoặc cơ quan thu hoặc ngân hàng.

b) Nộp ngân sách nhà nước theo phương thức điện tử.

3. Trình tự thực hiện đối với trường hợp nộp ngân sách nhà nước theo phương thức nộp trực tiếp.

a) Người nộp ngân sách nhà nước lập chứng từ nộp ngân sách nhà nước hoặc gửi trực tiếp các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc yêu cầu nộp tiền vào ngân sách nhà nước tới Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng hoặc cơ quan thu để làm thủ tục nộp ngân sách nhà nước.

b) Kho bạc Nhà nước hoặc cơ quan thu nơi người nộp làm thủ tục nộp ngân sách nhà nước kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ trên chứng từ nộp ngân sách nhà nước hoặc các văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc

yêu cầu người nộp ngân sách nhà nước nộp tiền vào ngân sách nhà nước, số dư tài khoản của người nộp ngân sách nhà nước (nếu có). Sau đó, làm thủ tục thu tiền mặt từ người nộp hoặc thu tiền qua các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt mà người nộp sử dụng để nộp ngân sách nhà nước; đồng thời, cấp chứng từ nộp ngân sách nhà nước cho người nộp ngân sách nhà nước.

Ngân hàng nơi người nộp làm thủ tục nộp ngân sách nhà nước kiểm tra thông tin về số dư tài khoản (trường hợp trích tài khoản của người nộp ngân sách nhà nước). Sau đó, làm thủ tục thu tiền mặt từ người nộp hoặc thu qua các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt mà người nộp sử dụng để nộp ngân sách nhà nước; đồng thời, cấp chứng từ nộp ngân sách nhà nước cho người nộp ngân sách nhà nước.

c) Trường hợp số dư tài khoản của người nộp không đủ để trích nộp ngân sách nhà nước, Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng hoặc cơ quan thu (nơi người nộp làm thủ tục nộp ngân sách nhà nước) thông báo người nộp ngân sách nhà nước lập lại chứng từ nộp ngân sách nhà nước để thực hiện nộp ngân sách nhà nước theo trình tự nêu trên.

4. Trình tự thực hiện đối với trường hợp nộp ngân sách nhà nước theo phương thức điện tử.

a) Trường hợp nộp ngân sách nhà nước qua Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế:

Người nộp ngân sách nhà nước sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử đã được cơ quan quản lý thuế cấp đăng nhập vào hệ thống nộp thuế điện tử trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế để lập chứng từ nộp ngân sách nhà nước, xác nhận chấp nhận nộp tiền và gửi chứng từ nộp ngân sách nhà nước tới cơ quan quản lý thuế theo phương thức điện tử.

Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế gửi thông báo xác nhận đã nhận chứng từ nộp ngân sách nhà nước hoặc lý do không nhận chứng từ nộp ngân sách nhà nước cho người nộp ngân sách nhà nước. Trường hợp người nộp ngân sách nhà nước sử dụng dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong nộp thuế (T-VAN), Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế gửi thông báo xác nhận đã nhận chứng từ nộp ngân sách nhà nước cho người nộp ngân sách nhà nước thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN. Trường hợp chứng từ nộp ngân sách nhà nước hợp lệ, Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế thực hiện ký điện tử bằng chữ ký số của cơ quan quản lý thuế lên chứng từ nộp ngân sách nhà nước và gửi đến ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán mà người nộp ngân sách nhà nước đã lựa chọn khi lập chứng từ nộp ngân sách nhà nước.

Ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán kiểm tra điều kiện trích nợ tài khoản của người nộp ngân sách nhà nước. Trường hợp số dư tài khoản của người nộp đủ để trích nộp ngân sách nhà nước, ngân hàng hoặc